

PHÁT TRIỂN HỢP TÁC XÃ NÔNG NGHIỆP TỪ NGUỒN VỐN TÍN DỤNG NGÂN HÀNG TRONG BỐI CẢNH HIỆN NAY

Nguyễn Cảnh Hiệp

Tóm tắt: Bài viết này nghiên cứu chính sách tín dụng của Nhà nước đối với các hợp tác xã nông nghiệp từ năm 2010 trở lại đây và việc triển khai chính sách này trong hệ thống ngân hàng thông qua 10 ngân hàng có dư nợ tín dụng nông nghiệp lớn nhất Việt Nam. Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng hoạt động cho vay phục vụ sản xuất kinh doanh của các hợp tác xã nông nghiệp thời gian qua vẫn còn hạn chế, mà nguyên nhân bắt nguồn từ cả các ngân hàng, các hợp tác xã cũng như đặc trưng của sản xuất nông nghiệp. Trên cơ sở đó, tác giả đề xuất một số giải pháp mở rộng quy mô cho vay của hệ thống ngân hàng nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển các hợp tác xã nông nghiệp trong giai đoạn tiếp theo.

Từ khóa: Hợp tác xã; Ngân hàng; Nông nghiệp; Tín dụng.

Đặt vấn đề

Theo số liệu được Liên minh Hợp tác xã Việt Nam (2021) công bố, đến hết năm 2020, lĩnh vực nông nghiệp (bao gồm cả lâm nghiệp và thủy sản) có 16.520 hợp tác xã (HTX), tăng 6,6% so với năm 2019 và 20,5% so với năm 2018. Các HTX nông nghiệp đã thu hút sự tham gia của hàng triệu thành viên, trong đó chủ yếu là đại diện hộ cá thể ở địa bàn nông thôn, tác động trực tiếp đến đời sống, thu nhập của gần 30 triệu người. Bên cạnh các hộ cá thể này, còn có nhiều doanh nghiệp là thành viên của HTX tham gia quản trị, liên kết chế biến tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị nông, lâm sản. Ngoài ra, với sự chuyển đổi mô hình hoạt động theo hướng liên kết đầu vào, đầu ra bằng hợp đồng với doanh nghiệp và HTX trong các lĩnh vực khác, các HTX nông nghiệp đã trở thành đầu mối kết nối các thành viên với đối tác để cung ứng dịch vụ và sản phẩm theo nhu cầu của thành viên và thị trường... (Lê Huy, 2021). Có thể nói, các HTX nông nghiệp không chỉ có vai trò quan trọng đối với sự phát

triển của nông nghiệp, nông thôn mà còn ảnh hưởng tích cực đến sự phát triển của các doanh nghiệp và HTX hoạt động trong những lĩnh vực kinh tế khác có liên quan.

Tuy nhiên, bên cạnh sự tăng lên về số lượng như trên, các HTX nông nghiệp thời gian qua hoạt động chưa thực sự hiệu quả. Thống kê của Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2021) cho thấy trong 3 năm gần đây, số HTX nông nghiệp có kết quả sản xuất kinh doanh chỉ chiếm khoảng 50% tổng số HTX nông nghiệp. So với những lĩnh vực khác, các chỉ tiêu phản ánh hiệu quả hoạt động của các HTX nông nghiệp (tỷ suất lợi nhuận, hiệu suất sử dụng lao động, thu nhập bình quân hàng tháng của người lao động...) cũng thường thấp hơn.

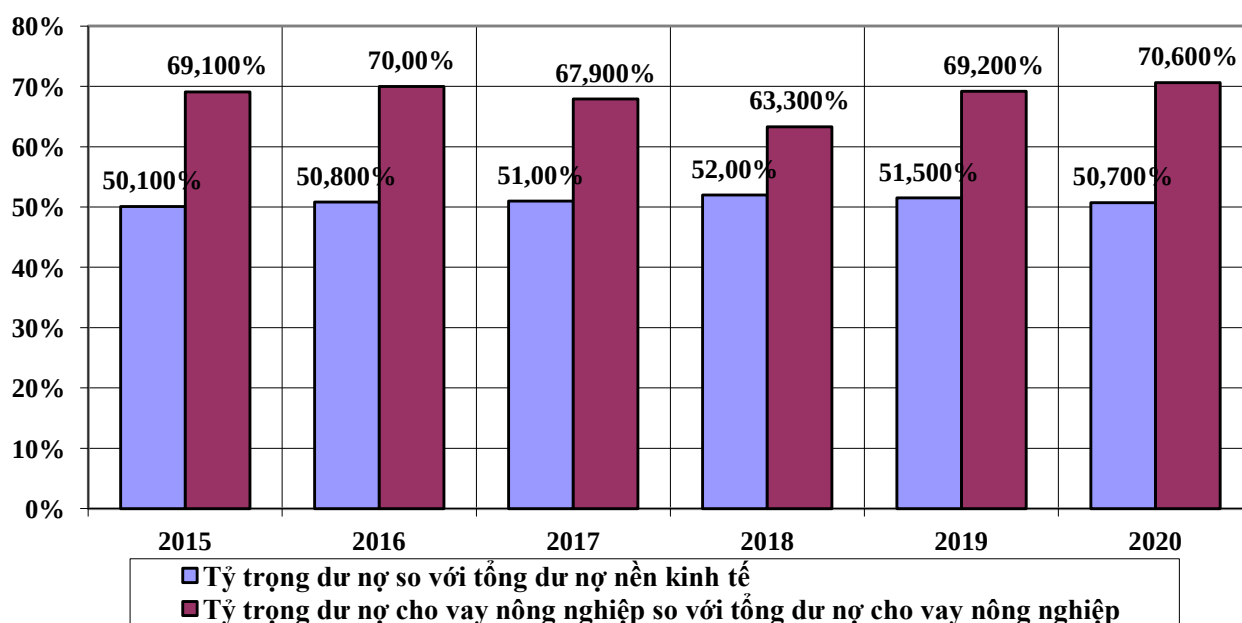
Trong khi đó, theo các chiến lược và kế hoạch được Nhà nước ban hành (Chiến lược phát triển kinh tế tập thể, HTX giai đoạn 2021-2030, Kế hoạch phát triển kinh tế tập thể, HTX giai đoạn 2021-2025, Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021-2025,...), các HTX nông nghiệp luôn được xác định là

lực lượng quan trọng trong phát triển thành phần kinh tế tập thể cũng như phát triển ngành nông nghiệp trong giai đoạn sắp tới. Để làm được điều này, cùng với việc thành lập mới để gia tăng số lượng, các HTX nông nghiệp cần được đầu tư để cải thiện năng lực sản xuất kinh doanh, từ đó nâng cao hiệu quả hoạt động, góp phần thực hiện các mục tiêu kinh tế đã được đặt ra.

Tuy nhiên, với nguồn vốn tự có hiện tại còn nhỏ bé, đến hết năm 2020 bình quân vốn

điều lệ chỉ đạt 900 triệu đồng/HTX (Lê Huy, 2021), trong khi các thành viên đa số không có khả năng góp vốn bổ sung, hoạt động của các HTX nông nghiệp vẫn trông chờ phần lớn vào các nguồn vốn đi vay, trong đó có cả vay từ các ngân hàng. Chính vì vậy, việc mở rộng cho vay của hệ thống ngân hàng có ý nghĩa rất lớn trong việc bổ sung nguồn vốn nhằm nâng cao năng lực sản xuất kinh doanh của các HTX nông nghiệp.

HÌNH 1. TỶ TRỌNG DƯ NỢ CỦA 10 NGÂN HÀNG CHO VAY NÔNG NGHIỆP LỚN NHẤT



Nguồn: Tính toán từ số liệu của các ngân hàng được nghiên cứu.

Trong bài viết này, tác giả nghiên cứu chính sách tín dụng của Nhà nước đối với HTX nông nghiệp và việc triển khai chính sách đó tại các ngân hàng từ năm 2010 đến nay. Trong đó, số liệu nghiên cứu chủ yếu được thu thập từ 10 ngân hàng thương mại (NHTM) thường xuyên có dư nợ cho vay nông nghiệp lớn nhất trong nhiều năm trở lại đây, bao gồm: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Agribank), NHTM cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV), NHTM cổ phần Sài Gòn - Hà Nội

(SHB), NHTM cổ phần Công Thương Việt Nam (VietinBank), NHTM cổ phần Sài Gòn Thương Tín (Sacombank), NHTM cổ phần Bắc Á (Bac A Bank), NHTM cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank), NHTM cổ phần Bưu điện Liên Việt (LienVietPostBank), NHTM cổ phần Tiên Phong (TPBank) và NHTM cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam (Eximbank)¹ (Hình 1).

¹ Trong số 10 ngân hàng cho vay nông nghiệp lớn nhất có NHTM cổ phần Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank), nhưng vì ngân hàng này không theo dõi

Các ngân hàng nêu trên có dư nợ chiếm khoảng 50-52% tổng dư nợ tín dụng nền kinh tế và dư nợ cho vay nông nghiệp chiếm khoảng 70% dư nợ cho vay nông nghiệp của hệ thống ngân hàng. Do đó kết quả cho vay của các ngân hàng này có thể phản ánh tương đối khái quát thực trạng cho vay của hệ thống ngân hàng đối với các HTX nông nghiệp.

1. Tình hình cho vay vốn ngân hàng đối với HTX nông nghiệp thời gian qua

Chính sách tín dụng của Nhà nước đối với HTX nông nghiệp lần đầu tiên được ban hành tại Nghị định số 41/2010/NĐ-CP của Chính phủ, trong đó cho phép áp dụng một số ưu đãi đối với các HTX trên địa bàn nông thôn vay vốn để phục vụ sản xuất kinh doanh nông nghiệp. Nổi bật nhất trong số đó là việc các HTX nông nghiệp được tổ chức tín dụng xem xét cho vay không có bảo đảm bằng tài sản lên đến 500 triệu đồng. Ngoài ra, giống như các đối tượng khách hàng khác vay vốn phục vụ sản xuất kinh doanh nông nghiệp, các HTX được tổ chức tín dụng miễn, giảm lãi khi tham gia mua bảo hiểm trong nông nghiệp, được xem xét cơ cấu lại thời hạn nợ và cho vay mới nếu chưa trả được nợ đúng hạn do nguyên nhân khách quan (thiên tai, dịch bệnh,...). Trường hợp thiên tai, dịch bệnh xảy ra trên diện rộng, các khách hàng này còn được khoan nợ không tính lãi tối đa 2 năm đối với dư nợ hiện còn tại thời điểm xảy ra thiên tai, dịch bệnh được công bố.

Sau 5 năm thực hiện, chính sách tín dụng nói trên lại được Chính phủ thay thế bởi Nghị định số 55/2015/NĐ-CP và tiếp tục được bổ sung bởi Nghị định số 116/2018/NĐ-CP. Theo đó, bên cạnh việc mở rộng thêm đối tượng vay vốn đối với các liên hiệp HTX và duy trì chính sách cơ cấu lại thời hạn trả nợ, khoan nợ và

cho vay mới đối với khách hàng chưa trả được nợ do nguyên nhân khách quan tương tự như quy định tại Nghị định số 41/2010/NĐ-CP, Chính phủ còn cho phép nâng mức vốn cho vay không có bảo đảm bằng tài sản lên 1-2 tỷ đồng đối với các HTX và 2-3 tỷ đồng đối với liên hiệp HTX, tùy theo mục đích vay vốn. Đối với các HTX, liên hiệp HTX sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao hoặc sản xuất nông nghiệp theo mô hình liên kết, mức vốn cho vay không có tài sản bảo đảm có thể lên tới 70% giá trị hợp đồng chuyển giao công nghệ hoặc tiêu thụ sản phẩm là kết quả của việc sản xuất ứng dụng công nghệ cao hoặc 70-80% giá trị của dự án, phương án vay theo mô hình liên kết, tùy theo vai trò của HTX, liên hiệp HTX trong chuỗi. Trường hợp bị thiệt hại về vốn vay và tài sản hình thành từ vốn vay do hậu quả thiên tai, dịch bệnh xảy ra trên phạm vi rộng hoặc do nguyên nhân khách quan, bất khả kháng dẫn tới chưa có khả năng hoặc không có khả năng trả nợ vay, các HTX, liên hiệp HTX này còn có thể được khoan nợ lên đến 3 năm, thậm chí có thể được xem xét xóa nợ. Ngoài ra, các HTX, liên hiệp HTX tham gia mua bảo hiểm đối với đối tượng sản xuất nông nghiệp hình thành từ nguồn vốn vay còn được giảm lãi suất cho vay với mức tối thiểu 0,2 điểm %/năm so với lãi suất của khoản vay cùng loại có thời hạn tương ứng.

Bên cạnh quy định tại các nghị định nói trên, chính sách tín dụng đối với HTX nông nghiệp còn có một bộ phận quan trọng được Chính phủ quy định tại Nghị định số 67/2014/NĐ-CP và được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 89/2015/NĐ-CP. Theo đó, các HTX, liên hiệp HTX đặt hàng đóng mới tàu, nâng cấp tàu khai thác hải sản xa bờ hoặc cung cấp dịch vụ hậu cần khai thác hải sản xa bờ được vay vốn tại các NHTM với nhiều cơ chế ưu đãi về mức vốn, thời hạn, lãi suất và tài sản bảo đảm tiền vay cũng như cơ chế xử lý rủi ro.

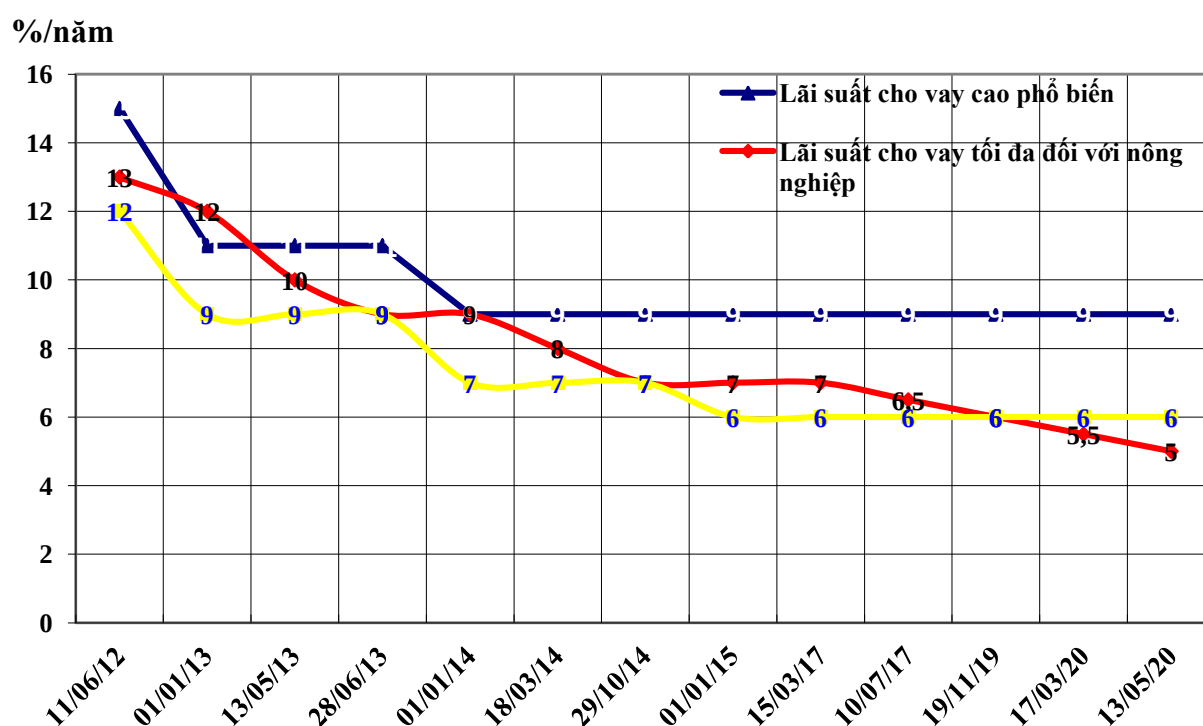
riêng kết quả cho vay đối với các HTX, nên tác giả đã thay bằng Eximbank - là ngân hàng đứng thứ 11 về dư nợ cho vay nông nghiệp.

Chẳng hạn, mức vốn cho vay đối với các chủ tàu này có thể lên đến 95% tổng giá trị đầu tư đóng mới hoặc 70% tổng giá trị nâng cấp tàu hoặc 70% chi phí cho một chuyến đi biển hoặc 70% giá trị cung cấp dịch vụ hậu cần; thời hạn cho vay có thể lên đến 16 năm đối với trường hợp đóng mới tàu vỏ thép hoặc vỏ vật liệu mới hoặc 11 năm đối với trường hợp đóng mới tàu vỏ gỗ hoặc nâng cấp tàu, trong đó năm đầu tiên chủ tàu được miễn lãi và chưa phải trả nợ gốc; lãi suất đối với các khoản vay giải ngân trước ngày 01/01/2019 để đóng mới hoặc nâng cấp tàu chỉ là 7%/năm, trong đó chủ tàu chỉ

phải trả 1-3%/năm tùy theo mục đích sử dụng của khoản vay, phần còn lại được ngân sách nhà nước cấp bù,...

Cùng với các ưu đãi nói trên, trong những năm qua, các HTX, liên hiệp HTX nông nghiệp khi vay vốn ngắn hạn tại các ngân hàng cũng được hưởng mức lãi suất ưu đãi theo chính sách chung của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) về lãi suất cho vay tối đa đối với nông nghiệp, thấp hơn 1-2 điểm %/năm so với mặt bằng lãi suất chung của thị trường (Hình 2).

HÌNH 2. LÃI SUẤT CHO VAY NGẮN HẠN BẰNG VND ĐỐI VỚI NÔNG NGHIỆP GIAI ĐOẠN 2012 - 2020

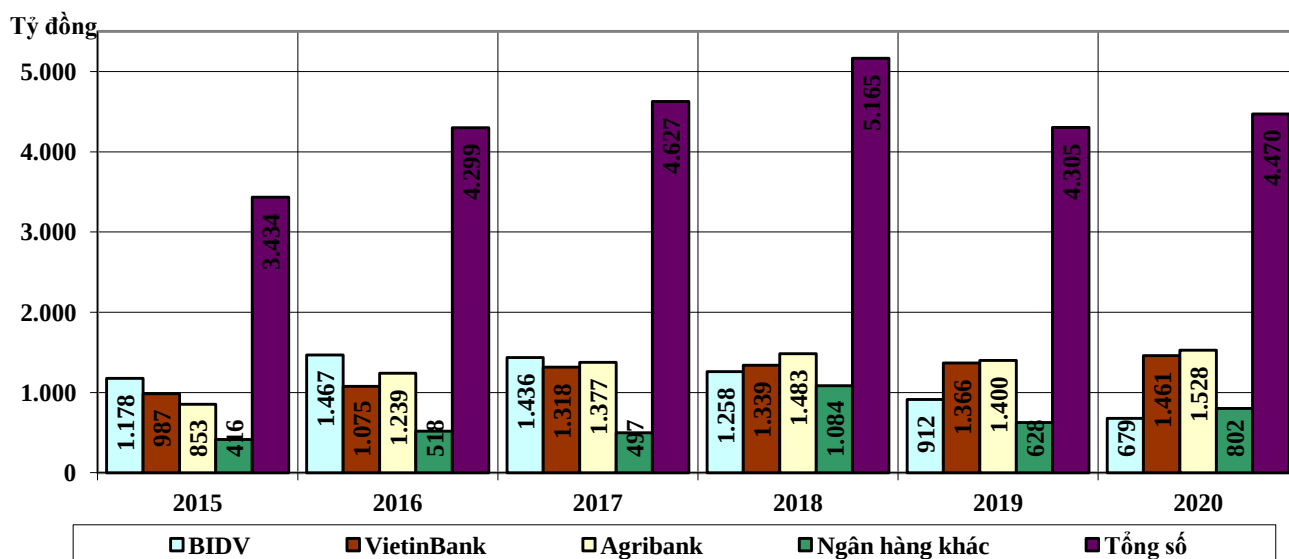


Nguồn: Thống kê từ các quyết định và báo cáo thường niên của NHNN.

Từ những chính sách tín dụng được quy định như trên, trong những năm qua, hoạt động cho vay của hệ thống ngân hàng đối với các HTX, liên hiệp HTX nông nghiệp đã từng bước được mở rộng, đặc biệt từ sau khi Chính phủ ban hành Nghị định số 55/2015/NĐ-CP.

Số liệu thống kê từ 10 ngân hàng cho vay nông nghiệp lớn nhất cả nước cho thấy, từ năm 2015 đến hết năm 2020, dư nợ tín dụng đối với các khách hàng này đã tăng 1,3 lần, bình quân mỗi năm tăng 5,4% (Hình 3).

HÌNH 3. DƯ NỢ TÍN DỤNG HTX CỦA 10 NGÂN HÀNG CHO VAY NÔNG NGHIỆP LỚN NHẤT GIAI ĐOẠN 2015 - 2020



Nguồn: Thống kê từ báo cáo tài chính của các ngân hàng.

Với sự hỗ trợ nguồn vốn từ hệ thống ngân hàng, năng lực tài chính của các HTX nông nghiệp đã có sự cải thiện đáng kể. Thống kê của Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2021) cho thấy, nếu như giai đoạn 2011-2015, bình quân nguồn vốn của toàn bộ các HTX nông nghiệp chỉ là 13.901 tỷ đồng, thì sang giai đoạn 2017-2019, con số này đã tăng lên 1,69 lần, đạt 23.484 tỷ đồng. Đến hết năm 2019, nguồn vốn của các HTX nông nghiệp đã lên tới 26.372 tỷ đồng, cao gần gấp đôi so với nguồn vốn bình quân giai đoạn 2011-2015.

Nhờ quy mô nguồn vốn được mở rộng, các HTX nông nghiệp đã có thêm điều kiện để đầu tư vào các dự án, phương án sản xuất kinh doanh. Kết quả là doanh thu của các đơn vị này cũng tăng lên không ngừng. Số liệu trên Hình 4 cho thấy nếu giai đoạn 2011-2015, bình quân doanh thu thuần của toàn bộ các HTX nông nghiệp chỉ đạt 7.144 tỷ đồng/năm, thì sang giai đoạn 2017-2019, con số này đã tăng lên 1,69 lần, đạt 12.066 tỷ đồng/năm. Nếu

chỉ tính riêng năm 2019 thì doanh thu thuần của các HTX nông nghiệp lên đến 17.186 tỷ đồng, cao gấp 2,4 lần so với doanh thu thuần bình quân giai đoạn 2011-2015.

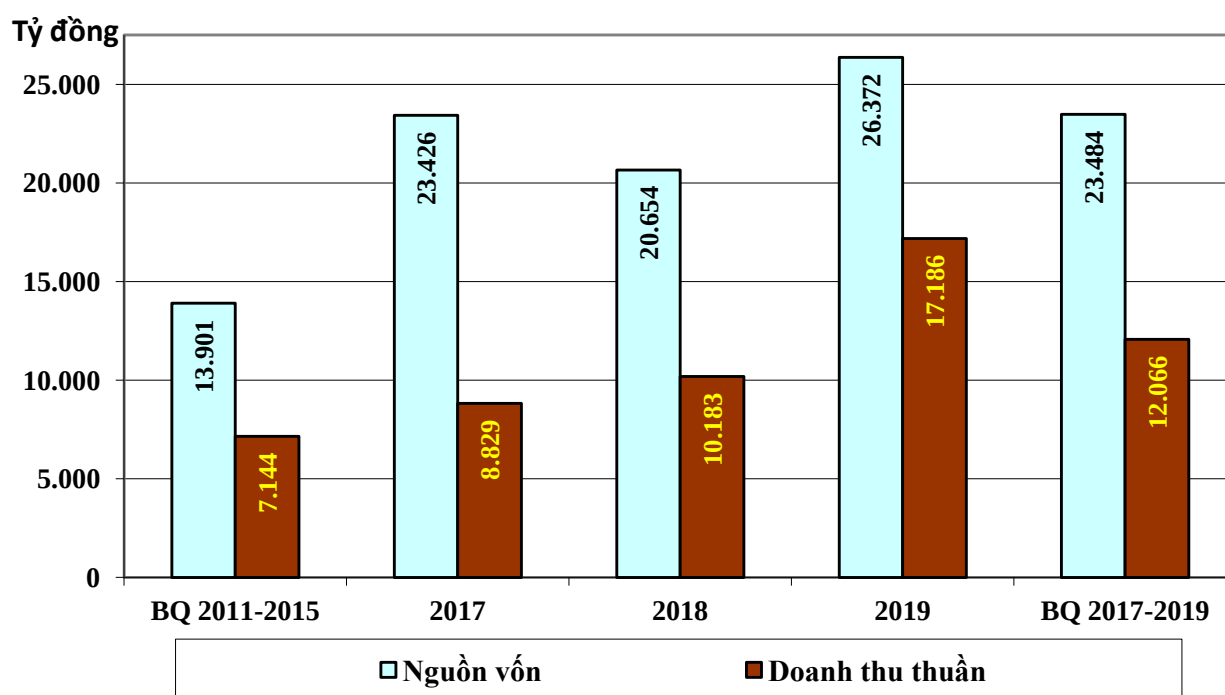
Từ những số liệu được phân tích trên đây, có thể thấy rằng cùng với sự tăng lên về số lượng, các HTX nông nghiệp ở nước ta thời gian qua đã có sự phát triển đáng ghi nhận về năng lực cũng như kết quả sản xuất kinh doanh. Trong sự phát triển đó, không thể không kể đến sự đóng góp của hệ thống ngân hàng thông qua hoạt động cho vay đối với các HTX này, đặc biệt là những ngân hàng mà dư nợ cho vay đối với ngành nông nghiệp cũng như đối với các HTX có quy mô lớn như Agribank, VietinBank, BIDV, Sacombank,...

Tuy nhiên, bên cạnh kết quả đạt được nói trên, quy mô cho vay của hệ thống ngân hàng đối với các HTX nông nghiệp thời gian qua vẫn còn khá hạn chế. Báo cáo của Liên minh HTX Việt Nam năm 2018 cho thấy chỉ có 1% trên tổng số các HTX đang hoạt động có thể

tiếp cận được nguồn vốn tín dụng, thậm chí đối với các HTX nông nghiệp, tỷ lệ đó còn thấp hơn rất nhiều (Hữu Trãi, 2018). Tình hình này đến nay cũng gần như không thay đổi khi số liệu trên báo cáo tài chính năm 2020 của 10 ngân hàng có quy mô cho vay nông nghiệp lớn nhất cho thấy có đến hơn một nửa trong số đó

có dư nợ cho vay HTX chiếm tỷ lệ dưới 0,1%; chỉ có 4 ngân hàng (Agribank, Sacombank, VietinBank và Eximbank) có tỷ lệ dư nợ cho vay HTX đạt trên 0,1%. Tính chung, tỷ trọng cho vay HTX của cả 10 ngân hàng này chỉ chiếm 0,096% dư nợ năm 2020.

HÌNH 4. NGUỒN VỐN VÀ DOANH THU CỦA CÁC HTX NÔNG NGHIỆP GIAI ĐOẠN 2011-2019



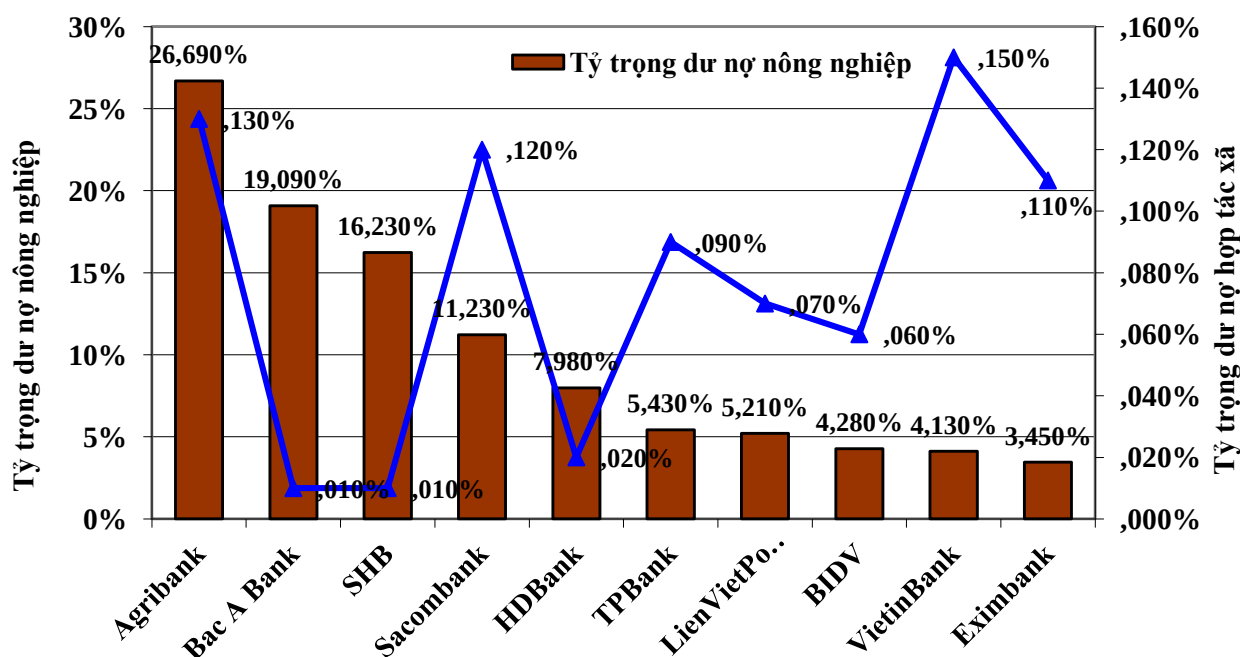
Nguồn: Sách trắng HTX Việt Nam năm 2020 và 2021.

Có nhiều nguyên nhân giải thích cho sự hạn chế trong hoạt động cho vay của hệ thống ngân hàng đối với các HTX nông nghiệp nước ta như đã trình bày ở trên. Những nguyên nhân đó không chỉ bắt nguồn từ đặc trưng của sản xuất nông nghiệp hay các HTX mà còn xuất phát từ điều kiện của các ngân hàng khi tham gia vào hoạt động tín dụng phục vụ đối tượng khách hàng này.

Trước hết, xét về đặc trưng của sản xuất nông nghiệp, thì đây vốn là một lĩnh vực tiềm ẩn nhiều khả năng xảy ra tổn thất do ảnh hưởng của thời tiết và dịch bệnh. Trong khi

đó, chính sách bảo hiểm nông nghiệp mới được triển khai chính thức ở nước ta chưa lâu, và nhiều khách hàng vay vốn phục vụ sản xuất nông nghiệp, bao gồm cả các HTX, cũng không có thói quen sử dụng dịch vụ bảo hiểm (kể cả bảo hiểm nông nghiệp mới được triển khai gần đây cũng như các loại bảo hiểm khác cho tài sản hình thành từ vốn vay đã được triển khai từ trước đó). Điều này đã ảnh hưởng không nhỏ đến việc mở rộng cho vay của hệ thống ngân hàng đối với các dự án sản xuất kinh doanh của các HTX nông nghiệp do e ngại về những rủi ro mà các dự án này có thể gặp phải.

HÌNH 5. TỶ TRỌNG DỰ ÁN NỢ TÍN DỤNG HTX CỦA 10 NGÂN HÀNG CHO VAY NÔNG NGHIỆP LỚN NHẤT NĂM 2020



Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2020 của các ngân hàng.

Bên cạnh đặc tính rủi ro của nông nghiệp, việc Nhà nước cho phép áp dụng nhiều ưu đãi về lãi suất cho vay và bảo đảm tiền vay đối với nhiều loại dự án, phương án sản xuất kinh doanh nông nghiệp (sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp sạch, mô hình liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị, đóng tàu khai thác hải sản,...) cũng khiến các ngân hàng hạ thấp kỳ vọng về mức độ sinh lời cũng như khả năng bảo toàn vốn vay, từ đó không muốn mở rộng cho vay đối với lĩnh vực này. Mặc dù chính sách của Chính phủ có quy định về việc cấp bù tiền lãi cho vay và hỗ trợ xử lý rủi ro cho các ngân hàng từ ngân sách nhà nước, song các khoản cấp bù và hỗ trợ này lại đòi hỏi những hồ sơ, thủ tục rất chặt chẽ nên không thật sự hấp dẫn đối với các ngân hàng. Cùng với đó, có nhiều loại dự án đầu tư vào nông nghiệp đòi hỏi lượng vốn lớn nhưng thời gian thu hồi vốn lại kéo dài, trong khi nguồn vốn của hệ thống ngân hàng phần lớn là vốn huy

động có kỳ hạn ngắn nên cũng ảnh hưởng đến việc mở rộng cho vay của các ngân hàng đối với những dự án này, xuất phát từ khó khăn trong việc huy động vốn và quản trị thanh khoản,...

Còn xét về phía người vay, do đa phần cán bộ quản lý của các HTX nông nghiệp không am hiểu nhiều về hoạt động ngân hàng và thiếu kinh nghiệm trong việc quản lý tài chính cũng như lập các dự án, phương án sản xuất kinh doanh (đặc biệt là các dự án phức tạp như sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sạch hay sản xuất theo mô hình liên kết,...) nên nhiều HTX gặp khó khăn, lúng túng trong việc hoàn thiện thủ tục vay vốn theo yêu cầu của các ngân hàng. Cùng với đó, mặc dù theo chính sách của Nhà nước thì phần vốn vay không cần tài sản bảo đảm chiếm tỷ trọng khá cao trong tổng nhu cầu vốn của dự án, phương án sản xuất kinh doanh nông nghiệp, song rất nhiều HTX nông

ng nghiệp không có đủ tài sản thế chấp cho phần vốn vay còn lại và cũng không thể huy động tài sản từ bên thứ ba, nên không đủ điều kiện để vay vốn theo chính sách tín dụng của ngân hàng cho vay.

2. Một số đề xuất nhằm phát triển HTX nông nghiệp từ nguồn vốn tín dụng ngân hàng

Chiến lược phát triển kinh tế tập thể, HTX giai đoạn 2021-2030 đã xác định kinh tế tập thể, mà nòng cốt là HTX, là một trong bốn thành phần kinh tế trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động của thành phần kinh tế này là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị, trong đó ngân sách nhà nước các cấp sẽ tiếp tục đầu tư để hỗ trợ kết cấu hạ tầng cũng như nâng cao năng lực quản trị, điều hành cho các HTX.

Đối với lĩnh vực nông nghiệp, Chiến lược này xác định cần phát huy vai trò chủ đạo của kinh tế tập thể, HTX nông nghiệp trong cơ cấu lại ngành nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ cao và tăng cường liên kết theo chuỗi giá trị giữa doanh nghiệp và HTX. Mục tiêu được đặt ra là phấn đấu đến năm 2030, cả nước có trên 5.000 HTX ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất và tiêu thụ nông sản; đồng thời có khoảng 50% HTX nông nghiệp liên kết với doanh nghiệp theo chuỗi giá trị,...

Trong khi đó, số liệu của Cục Chế biến và Phát triển thị trường nông sản (Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn) và NHNN cho thấy, đến tháng 10/2020, cả nước đã phát triển được 1.636 mô hình liên kết sản xuất nông nghiệp theo chuỗi giá trị với sự tham gia của hơn 13.000 doanh nghiệp và 16.000 HTX, tuy nhiên dư nợ cho vay đối với mô hình liên kết sản xuất nông nghiệp chỉ đạt khoảng 5.500 tỉ đồng (chiếm 0,73% dư nợ tín dụng nông

ng nghiệp và 0,06% tổng dư nợ tín dụng nền kinh tế), bình quân dư nợ của mỗi chuỗi liên kết chỉ đạt 3,36 tỷ đồng (Lam Thanh, 2020). Còn đối với nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và nông nghiệp sạch, dư nợ tại cùng thời điểm cũng mới chỉ đạt khoảng 27.000 tỷ đồng (chiếm 3,58% dư nợ tín dụng nông nghiệp và 0,31% tổng dư nợ tín dụng nền kinh tế), trong đó dư nợ nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đạt khoảng 24.300 tỷ đồng, còn dư nợ nông nghiệp sạch là 2.700 tỷ đồng (Hương Nguyễn, 2020). Trong số dư nợ cho vay nói trên, phần thuộc về các HTX nông nghiệp chắc chắn là không nhiều, xuất phát từ những nguyên nhân chung làm hạn chế khả năng tiếp cận tín dụng của các khách hàng này như đã được chỉ ra trong phần trước của bài viết.

Từ những định hướng và mục tiêu được Chính phủ đặt ra đối với các HTX nông nghiệp cũng như thực trạng cho vay HTX đã phân tích ở trên, có thể thấy rằng trong giai đoạn từ nay đến năm 2030, cùng với việc tiếp tục mở rộng quy mô cho vay đối với các HTX nông nghiệp, hệ thống ngân hàng cần nghiên cứu điều chỉnh định hướng cho vay để đáp ứng tốt hơn cho yêu cầu phát triển của các khách hàng này nói riêng và ngành nông nghiệp nói chung. Theo đó, bên cạnh các hình thức cho vay để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của các HTX nông nghiệp như đã triển khai từ trước đến nay, hệ thống ngân hàng cần xem xét mở rộng hơn nữa quy mô cho vay đối với các lĩnh vực được kỳ vọng tạo ra sự thay đổi lớn về hiệu quả sản xuất kinh doanh của ngành nông nghiệp cũng như của các HTX trong ngành này, như sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, sản xuất nông nghiệp sạch, sản xuất nông nghiệp theo mô hình liên kết.

Để việc cho vay đối với các HTX nông nghiệp được mở rộng, trước hết, các ngân hàng cần nghiên cứu đơn giản hoá các quy trình, thủ tục cho vay, đồng thời tích cực hỗ trợ các HTX

trong quá trình lập dự án, lựa chọn phương án tài chính cũng như thực hiện các thủ tục vay vốn nhằm khuyến khích các đơn vị này vay vốn để thực hiện các dự án, phương án sản xuất kinh doanh nông nghiệp. Bên cạnh đó, các ngân hàng cũng cần chú trọng áp dụng các hình thức bảo đảm tiền vay không dựa vào tài sản phù hợp với mức độ tín nhiệm của khách hàng vay vốn và rủi ro của khoản vay, tạo điều kiện cho các HTX nông nghiệp có năng lực sản xuất kinh doanh tốt, có phương án sử dụng vốn vay hiệu quả nhưng không có nhiều tài sản bảo đảm tiền vay được vay vốn để thực hiện các dự án, phương án sản xuất kinh doanh.

Tuy nhiên, để việc mở rộng quy mô cho vay vẫn đáp ứng được yêu cầu về hạn chế rủi ro và đảm bảo an toàn tín dụng, các ngân hàng cần phát triển nguồn nhân lực có chuyên môn sâu về lĩnh vực nông nghiệp và thực hiện các biện pháp nâng cao năng lực quản trị rủi ro, trong đó đặc biệt chú trọng nâng cao chất lượng thẩm định hiệu quả và tính khả thi của dự án, phương án sản xuất kinh doanh và phương án sử dụng vốn vay cũng như năng lực sản xuất kinh doanh của các HTX nông nghiệp, làm cơ sở quyết định các điều kiện cho vay (mức vốn, thời hạn, lãi suất, biện pháp bảo đảm tiền vay...) phù hợp với nhu cầu của HTX, hiệu quả của dự án, phương án và mức độ rủi ro của khoản vay.

Đi đôi với những biện pháp nói trên từ hệ thống ngân hàng, việc phát triển HTX nông nghiệp ở nước ta cũng đòi hỏi những nỗ lực của chính các HTX cũng như sự tham gia các cơ quan quản lý nhà nước. Theo đó, các HTX nông nghiệp cần chú trọng nâng cao năng lực của bản thân về mọi mặt, bao gồm cả khả năng hoạch định chiến lược, kế hoạch kinh doanh cũng như

năng lực quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh và quản lý tài chính. Cùng với đó, các cơ quan quản lý nhà nước cần đẩy mạnh thực hiện các chương trình hỗ trợ HTX nông nghiệp nâng cao năng lực quản lý nhằm đáp ứng tốt hơn yêu cầu của ngân hàng trong việc thực hiện các thủ tục vay vốn và quản lý, sử dụng vốn vay. Bên cạnh đó, các cơ quan này cũng cần nghiên cứu đơn giản hoá thủ tục thanh toán các khoản cấp bù và hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cho các ngân hàng cho vay nông nghiệp, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho các ngân hàng trong việc huy động các nguồn vốn nhân rồi có kỳ hạn dài của Nhà nước cũng như thực hiện các thủ tục giao dịch bảo đảm, giám sát tình hình sử dụng vốn vay hoặc xử lý tài sản bảo đảm tiền vay để thu hồi nợ.

Kết luận

Phát triển HTX nông nghiệp nhằm góp phần phát triển thành phần kinh tế tập thể và cơ cấu lại ngành nông nghiệp là một nhiệm vụ đòi hỏi có sự đầu tư từ nhiều bên, trong đó có cả các ngân hàng. Đối với nguồn vốn của hệ thống ngân hàng, để việc cho vay HTX nông nghiệp được triển khai có hiệu quả, bên cạnh sự nỗ lực của các ngân hàng cho vay, cũng không thể không cần sự hỗ trợ từ các cơ quan quản lý nhà nước cũng như sự phối hợp của chính bản thân các HTX trong nhiều công đoạn, từ việc thực hiện các thủ tục đầu tư dự án cho đến hoàn thiện các thủ tục vay vốn, bảo đảm tiền vay, sử dụng vốn vay và thu hồi nợ... Chỉ trong trường hợp ấy, hoạt động cho vay mới có thể đáp ứng được yêu cầu của Nhà nước và kỳ vọng của các HTX nông nghiệp mà vẫn đem lại nguồn thu nhập tốt và không gây ra rủi ro cho hệ thống ngân hàng.

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2020-2021), *Sách trắng HTX Việt Nam năm 2020-2021*, NXB Thống kê, Hà Nội. Chính phủ (2010), Nghị định số 41/2010/NĐ-CP ngày 12/4/2010 về chính sách tín dụng phục vụ

phát triển nông nghiệp, nông thôn.

2. Chính phủ (2014), Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07/7/2014 về một số chính sách phát triển thủy sản.
3. Chính phủ (2015a), Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn.
4. Chính phủ (2015b), Nghị định số 89/2015/NĐ-CP ngày 07/10/2015 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2014/NĐ-CP về một số chính sách phát triển thủy sản.
5. Chính phủ (2018), Nghị định số 116/2018/NĐ-CP ngày 07/9/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 55/2015/NĐ-CP về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn.
6. Thủ tướng Chính phủ (2021a), Quyết định số 255/QĐ-TTg ngày 25/02/2021 về việc phê duyệt Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021-2025.
7. Thủ tướng Chính phủ (2021b), Quyết định số 340/QĐ-TTg ngày 12/3/2021 về việc phê duyệt Chiến lược phát triển kinh tế tập thể, HTX giai đoạn 2021-2030.
8. Thủ tướng Chính phủ (2021c), Quyết định số 1318/QĐ-TTg ngày 22/7/2021 về việc phê duyệt Kế hoạch phát triển kinh tế tập thể, HTX giai đoạn 2021-2025.
9. Lê Huy (2021), “Tình hình phát triển kinh tế tập thể, HTX năm 2020: Thu hút 8,1 triệu cá nhân và doanh nghiệp tác động 30 triệu lao động”, Trang tin điện tử Liên minh HTX Việt Nam, truy cập tại <https://vca.org.vn/thu-hut-81-trieu-ca-nhan-va-doanh-nghiep-tac-dong-30-trieu-lao-dong-a22861.html>
10. Liên minh HTX Việt Nam (2019-2021), *Báo cáo thường niên 2018-2020*, truy cập tại <https://vca.org.vn/bao-cao-thuong-nien-c102.html>.
11. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, *Dur nợ tín dụng đối với nền kinh tế và tốc độ tăng trưởng*, truy cập ngày 15/6/2021, tại <https://www.sbv.gov.vn/webcenter/portal/vi/menu/trangchu/tk/dntddvntk>.
12. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (2009-2020), *Báo cáo thường niên 2010-2019*, truy cập ngày 15/7/2021, tại <https://www.sbv.gov.vn/webcenter/faces/menu/rm/apph/bctn>.
13. Hương Nguyễn (2020), “Tăng trưởng tín dụng cho nông nghiệp cao nhất trong các lĩnh vực”, *Báo điện tử Lao Động*, ngày 18/11/2020, truy cập ngày 23/7/2021, tại <https://laodong.vn/kinh-te/tang-truong-tin-dung-cho-nong-nghiep-cao-nhat-trong-cac-linh-vuc-855282.lido>.
14. Lam Thanh (2020), “Đề tận dụng cơ hội từ EVFTA cần chuyển dịch mạnh mẽ cơ cấu sản xuất”, *Báo điện tử Một Thế Giới*, ngày 20/11/2020, truy cập ngày 28/7/2021, tại <https://1thegioi.vn/de-tan-dung-co-hoi-tu-evfta-can-chuyen-dich-manh-me-co-cau-san-xuat-156697.html>.
15. Hữu Trãi (2018), “HTX nông nghiệp khó tiếp cận vốn vay”, *Báo điện tử VOV*, ngày 01/7/2018, truy cập ngày 23/7/2021, tại <https://vov.vn/kinh-te/doanh-nghiep/hop-tac-xa-nong-nghiep-kho-tiep-can-von-vay-781647.vov>.

Thông tin tác giả:

1. Nguyễn Cảnh Hiệp, TS.

- Đơn vị công tác: Ngân hàng Phát triển Việt Nam.
- Địa chỉ email: canhhiiep.vdb@gmail.com.

Ngày nhận bài: 9/9/2021

Ngày nhận bản sửa: 7/11/2021

Ngày duyệt đăng: 21/11/2021